|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-UBND | *Quảng Trị, ngày tháng 7 năm 2019* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính**

**theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường áp dụng tại UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT- VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định: Số 1215/QĐ-UBND ngày 03/6/2016, số 2614/QĐ-UBND ngày 08/11/2018, số 1460/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục, danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường áp dụng tại UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, trong đó:

*Phụ lục 1: Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường áp dụng tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

*Phụ lục 2: Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

**Điều 2.** Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện và UBND cấp xã căn cứ quy trình này, thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Trị.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Các PCT UBND tỉnh;  - CVP, Các PVP UBND tỉnh;  - Lưu VT, KSTTHC, NC. | **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Đức Chính** |

**Phụ lục 1**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN**

**VÀ MÔI TRƯỜNG ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**1. Lĩnh vực Đất đai**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Tổng thời gian giải quyết** | **Nội dung công việc và trình tự các bước thực hiện** | | | | | | | | | | **Thời gian chi tiết (có thể tính theo ngày/giờ)** | | | | | | | | **Đơn vị thực hiện** | **Người thực hiện** |
| **Các xã không phải là xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.** | | | | | | | **Các xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.** |
|  | Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu  (BTM-QTR-265125) | - 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.  - 40 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. | **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | | | 01 ngày | | | | | | | 01 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | | | 24 ngày | | | | | | | 33 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy |  |
| *Bước 2a* | *Xem xét, xử lý hồ sơ*  *- Thẩm tra xác minh hồ sơ*  *- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan* | | | | | | | | | *19 ngày* | | | | | | | *27 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 2b* | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | | | *05 ngày* | | | | | | | *06 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 3** | Phê duyệt hồ sơ | | | | | | | | | 04 ngày | | | | | | | 05 ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 4** | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa cấp huyện | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 5** | Tiếp nhận kết quả | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 5** | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
|  | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định  (BTM-QTR-265126) | - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.  - 20 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. | **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | Trích lục, trích đo địa chính thửa đất; hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp | | | | | | | | | 02 ngày | | | | | | | 07 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Kỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | | | 03 ngày | | | | | | | 08 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy |  |
| *Bước 3a* | *Xử lý hồ sơ* | | | | | | | | | *2,5 ngày* | | | | | | | *07 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3b* | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | | | *0,5 ngày* | | | | | | | *01 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 4** | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt chuyển hồ sơ về Văn phòng tỉnh | | | | | | | | | 01 ngày | | | | | | | 01 ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị/Bộ phận ĐK-CG |
| **Bước 5** | Thẩm định hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến và trình ký Sở TN&MT. | | | | | | | | | 1,5 ngày | | | | | | | 1,5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai – Phòng Đăng ký cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 6** | Sở TN&MT ký quyết định hủy Giấy chứng nhận đã cấp (nếu có), đồng thời ký cấp Giấy chứng nhận mới cho bên nhận chuyển quyền. | | | | | | | | | 01 ngày | | | | | | | 01 ngày | Sở TN&MT | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 7** | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển kết quả về Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai - Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 8** | Tiếp nhận kết quả từ Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 9** | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
|  | Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất  **(**BTM-QTR-265127) | - Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.  - 13 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. | **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | | | 0,25 ngày | | | | | | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | | | 1,5 ngày | | | | | | | 11,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký - cấp giấy |  |
| *Bước 2a* | *Xem xét, xử lý hồ sơ*  *- Xác nhận lại việc xoá cho thuê, cho thuê lại, xoá góp vốn vào giấy chứng nhận*  *- Cập nhật vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. Thu hồi giấy chứng nhận đã cấp (nếu có)* | | | | | | | | | *01 ngày* | | | | | | | *08 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 2b* | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | | | *0,5 ngày* | | | | | | | *3,5 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 3** | Phê duyệt hồ sơ | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 4** | Hoàn thiện hồ sơ  - Đóng dấu, luân chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa cấp huyện | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 5** | Tiếp nhận kết quả | | | | | | | | | 0,25 ngày | | | | | | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 6** | - Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình.  - Xác nhận vào bản chính giấy tờ việc đã cấp Giấy chứng nhận | | | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
|  | Thủ tục Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận  **(**BTM-QTR-265128) | - 10 ngày làm việckể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ  - 20 ngày làm việc ối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. | **Bước 1** | - Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | Trích lục, trích đo địa chính thửa đất (trường hợp thay đổi về diện tích); hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp | | | | | | | | | 03 ngày | | | | | | | 08 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Kỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | | | 4,5 ngày | | | | | | | 9,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký - cấp giấy |  |
| *Bước 3a* | *Xem xét, xử lý hồ sơ*  *- Lấy ý kiến của cơ quan quản lý, cấp phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.*  *- Chuyển thông tin đến cơ quan thuế*  *- Xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp*  *- Chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai* | | | | | | | | | *04 ngày* | | | | | | | *08 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3b* | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | | | *0,5 ngày* | | | | | | | *1,5 ngày* |  | *Trưởng bộ phậnĐăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 4** | Phê duyệt hồ sơ | | | | | | | | | 01 ngày | | | | | | | 01 ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 5** | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 6** | Tiếp nhận kết quả | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 7** | - Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình  - Xác nhận vào bản chính giấy tờ việc đã cấp Giấy chứng nhận | | | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
|  | Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề  (BTM-QTR-265129) | - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ  - 20 ngày đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. | **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | | | 6,5 ngày | | | | | | | 16,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| *Bước 2a* | *Xem xét, xử lý hồ sơ*  *- Cập nhật vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai*  *- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan* | | | | | | | | | *06 ngày* | | | | | | | *14,5 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 2b* | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | | | *0,5 ngày* | | | | | | | *2.5 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 3** | Phê duyệt hồ sơ | | | | | | | | | 02 ngày | | | | | | | 02 ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 4** | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 6** | Tiếp nhận kết quả | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 7** | - Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình  - Xác nhận vào bản chính giấy tờ việc đã cấp Giấy chứng nhận | | | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
|  | Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu  (BTM-QTR-265131) | - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.  - 15 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | | | 03 ngày | | | | | | | 13 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký - Cấp giấy |  |
| *Bước 2a* | *Xem xét, xử lý hồ sơ*  *- Lấy ý kiến xác nhận hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*  *- Xác nhận thời hạn được tiếp tục sử dụng đất vào Giấy chứng nhận đã cấp*  *- Chỉnh lý, cập nhật vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai* | | | | | | | | | *2,5 ngày* | | | | | | | *10,5 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 2b* | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | | | *0,5 ngày* | | | | | | | *2,5 ngày* |  | *Trưởng bộ phậnĐăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 3** | Phê duyệt hồ sơ | | | | | | | | | 01 ngày | | | | | | | 01 ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 4** | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | | | | | | | | | 0,25 ngày | | | | | | | 0,25 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 5** | Tiếp nhận kết quả | | | | | | | | | 0,25 ngày | | | | | | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 6** | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
|  | Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất  (BTM-QTR-265132) | - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.  - 25 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | Đo đạc địa chính để chia tách thửa đất | | | | | | | | | 03 ngày | | | | | | | 08 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phậnKỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | | | 05 ngày | | | | | | | 10 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| *Bước 3a* | *Xem xét, xử lý hồ sơ*  *Lấy ý kiến của các đơn vị liên quan* | | | | | | | | | *04 ngày* | | | | | | | *08 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3b* | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | | | *01 ngày* | | | | | | | *02 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 4** | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt, chuyển hồ sơ về Văn phòng tỉnh | | | | | | | | | 01 ngày | | | | | | | 01 ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị/Bộ phận ĐK-CG |
| **Bước 5** | Thẩm định hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng chuyển đến. | | | | | | | | | 3,5 ngày | | | | | | | 3,5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai - Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo phòng |
| **Bước 6** | Ký cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất đối với thửa đất mới tách, hợp thửa | | | | | | | | | 01 ngày | | | | | | | 01 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 7** | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển kết quả về Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai -Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 8** | Tiếp nhận kết quả từ Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 9** | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
|  | Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất  (BTM-QTR-265133) | - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - 17 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | | | 0,25 ngày | | | | | | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | Trích lục, trích đo địa chính thửa đất hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp | | | | | | | | | 01 ngày | | | | | | | 06 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Kỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | | | 2,5 ngày | | | | | | | 7,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy |  |
| *Bước 3a* | *Xem xét, thẩm định hồ sơ* | | | | | | | | | *02 ngày* | | | | | | | *06 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3b* | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | | | *0,5 ngày* | | | | | | | *1,5 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 4** | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt, chuyển hồ sơ về Văn phòng tỉnh | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 5** | Thẩm định hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng chuyển đến. | | | | | | | | | 1,5 ngày | | | | | | | 1,5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai -Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 6** | Ký cấp đổi Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 7** | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển kết quả về Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai -Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 8** | Tiếp nhận kết quả từ Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | | | 0,25 ngày | | | | | | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 9** | - Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình  - Xác nhận vào bản chính giấy tờ việc đã cấp Giấy chứng nhận | | | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
|  | Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp  (BTM-QTR-265134) | - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (đối với GCN do Sở TN&MT cấp)  - 20 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.  - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (đối với GCN do UBND cấp huyện cấp)  - 25 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. | *Đối với Giấy chứng nhận do Sở Tài Nguyên & Môi Trường cấp* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Bước 1** | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | | 05 ngày | | | | | | | 15 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy |  |
| *Bước 2a* | | *Xem xét, xử lý hồ sơ*  *- Lập biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót* | | | | | | | | *04 ngày* | | | | | | | *12 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 2b* | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | | *01 ngày* | | | | | | | *03 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 3** | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt | | | | | | | | 01 ngày | | | | | | | 01 ngày | Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 4** | | Ghi nội dung đính chính vào Giấy chứng nhận đã cấp có sai sót | | | | | | | | 01 ngày | | | | | | | 01 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 5** | | Chuyển hồ sơ về Văn phòng tỉnh | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Viên chức |
| **Bước 6** | | Kiểm tra hồ và nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận có sai sót, trình lãnh đạo văn phòng | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai -Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 6** | | Ký phê duyệt nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận có sai sót. | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 7** | | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển kết quả về Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai -Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 8** | | Tiếp nhận kết quả từ Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 9** | | - Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| *Đối với Giấy chứng nhận do UBND cấp huyện cấp* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Bước 1** | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | | 06 ngày | | | | | | 16 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy |  |
| *Bước 2a* | | | *Xem xét, xử lý hồ sơ*  *Lập biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót* | | | | | | | | *05 ngày* | | | | | | *13 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 2b* | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | | *01 ngày* | | | | | | *03 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 3** | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt | | | | | | | | 01 ngày | | | | | | 01 ngày | Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 4** | | | Ghi nội dung đính chính vào Giấy chứng nhận đã cấp có sai sót | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 5** | | | Kiểm tra hồ sơ và nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận đã cấp có sai sót, trình ký hồ sơ | | | | | | | | 3,5 ngày | | | | | | 3,5 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện | Công chức |
| **Bước 6** | | | Ký phê duyệt nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận có sai sót. | | | | | | | | 2,5 ngày | | | | | | 2,5 ngày | UBND cấp huyện | Chủ tịch/ Phó Chủ tịch |
| **Bước 7** | | | Nhận hồ sơ và Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Công chức |
| **Bước 8** | | | Tiếp nhận kết quả | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 9** | | | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| 1. 11 | Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện  (BTM-QTR-265135) | Sau 30 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận của Thanh tra tỉnh (bao gồm cả thời gian thông báo cho người sử dụng đất) | *Đối với Giấy chứng nhận do Sở Tài Nguyên & Môi Trường cấp* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Bước 1** | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | |  | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | Báo cáo bằng văn bản về việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định cho Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Trị. | | | | | | | | 05 ngày | | | | | |  | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai -Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy |
| **Bước 3** | | | Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định. | | | | | | | | 04 ngày | | | | | |  | Văn phòng đăng ký đất đai- Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy |
| **Bước 4** | | | Lập hồ sơ, trình Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Trị quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp | | | | | | | | 10 ngày | | | | | |  | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai -Bộ phận Đăng ký- cấp giấy |  |
| *Bước 4a* | | | *Dự thảo văn bản, trình ký* | | | | | | | | *07 ngày* | | | | | |  |  | *Viên chức* |
| *Bước 4b* | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | | *03 ngày* | | | | | |  |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 5** | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt | | | | | | | | 02 ngày | | | | | |  | Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 6** | | | Chuyển hồ sơ về Văn phòng tỉnh | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | |  | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Viên chức |
| **Bước 7** | | | Xem xét hồ sơ và trình ký ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp | | | | | | | | 03 ngày | | | | | |  | Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 8** | | | Ký ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp | | | | | | | | 03 ngày | | | | | |  | Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 9** | | | Chuyển kết quả về Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | |  | Văn phòng đăng ký đất đai -Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 10** | | | - Thu hồi và quản lý Giấy chứng nhận đã thu hồi  - Chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai | | | | | | | | 01 ngày | | | | | |  | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 11** | | | Tiếp nhận kết quả từ Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | |  | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 12** | | | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | |  | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| *Đối với Giấy chứng nhận do UBND cấp huyện cấp* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Bước 1** | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | |  | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | Báo cáo bằng văn bản về việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định cho Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Trị. | | | | | | | | 05 ngày | | | | | |  | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai -Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy |
| **Bước 3** | | | Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định. | | | | | | | | 04 ngày | | | | | |  | Văn phòng đăng ký đất đai- Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy |
| **Bước 4** | | | Lập hồ sơ, trình Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Trị quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp | | | | | | | | 10 ngày | | | | | |  | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai -Bộ phận Đăng ký- cấp giấy |  |
| *Bước 4a* | | | *Dự thảo văn bản, trình ký* | | | | | | | | *07 ngày* | | | | | |  |  | *Viên chức* |
| *Bước 4b* | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | | *03 ngày* | | | | | |  |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 5** | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt | | | | | | | | 02 ngày | | | | | |  | Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 6** | | | Chuyển hồ sơ qua Phòng TN&MT | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | |  | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Viên chức |
| **Bước 7** | | | Xem xét hồ sơ và trình UBND cấp huyện ký ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp | | | | | | | | 03 ngày | | | | | |  | Phòng TN&MT | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 8** | | | Ký ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp | | | | | | | | 03 ngày | | | | | |  | UBND huyện | Lãnh đạo ủy ban |
| **Bước 9** | | | Chuyển kết quả về Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | |  | Phòng TN&MT | Viên chức |
| **Bước 10** | | | - Thu hồi và quản lý Giấy chứng nhận đã thu hồi  - Chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai | | | | | | | | 01 ngày | | | | | |  | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 11** | | | Tiếp nhận kết quả từ Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | |  | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 12** | | | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | |  | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| 1. 12 | Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu  (BTM-QTR-265136) | - 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ  - 40 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | Trích lục, trích đo địa chính thửa đất hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp | | | | | | | | 05 ngày | | | | | | 10 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Kỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | | 13 ngày | | | | | | 18 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| *Bước 3a* | | | *Xem xét, xử lý hồ sơ*  *-Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan quản lý nhà nước về tài sản*  *-Dự thảo, trình ký* | | | | | | | | *10 ngày* | | | | | | *14 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3b* | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | | *02 ngày* | | | | | | *03 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| *Bước 3c* | | | *Chuyển thông tin đến cơ quan thuế* | | | | | | | | *01 ngày* | | | | | | *02 ngày* |  | *Viên chức* |
| **Bước 4** | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt | | | | | | | | 02 ngày | | | | | | 02 ngày | Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 5** | | | Lập hồ sơ trình Phòng Tài nguyên và Môi trường | | | | | | | | 02 ngày | | | | | | 02 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký - cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 6** | | | Kiểm tra hồ sơ và trình UBND cấp huyện ký cấp Giấy chứng nhận | | | | | | | | 04 ngày | | | | | | 04 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Công chức |
| **Bước 7** | | | Xem xét, ký cấp Giấy chứng nhận | | | | | | | | 2,5 ngày | | | | | | 2,5 ngày | UBND huyện | Chủ tịch/ Phó Chủ tịch |
| **Bước 8** | | | Nhận kết quả và chuyển về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 9** | | | Tiếp nhận kết quả | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 10** | | | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| 1. 13 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp giấy chứng nhận  (BTM-QTR-265137) | - 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.  - 30 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | Trích lục, trích đo địa chính thửa đất hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp | | | | | | | | 03 ngày | | | | | | 08 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Kỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | | 08 ngày | | | | | | 10 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| *Bước 3a* | | | *Xem xét, xử lý hồ sơ*  *-Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan quản lý nhà nước về tài sản*  *-Dự thảo, trình ký* | | | | | | | | *5 ngày* | | | | | | *07 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3b* | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | | *02 ngày* | | | | | | *02 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| *Bước 3c* | | | *Chuyển thông tin đến cơ quan thuế* | | | | | | | | *01 ngày* | | | | | | *01 ngày* |  | *Viên chức* |
| **Bước 4** | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt | | | | | | | | 01 ngày | | | | | | 02 ngày | Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 5** | | | Lập hồ sơ trình Phòng Tài nguyên và Môi trường | | | | | | | | 01 ngày | | | | | | 02 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký - cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 6** | | | Kiểm tra hồ sơ và trình UBND cấp huyện ký cấp Giấy chứng nhận | | | | | | | | 04 ngày | | | | | | 04 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Công chức |
| **Bước 7** | | | Xem xét, ký cấp Giấy chứng nhận | | | | | | | | 1,5 ngày | | | | | | 2,5 ngày | UBND huyện | Chủ tịch/ Phó Chủ tịch |
| **Bước 8** | | | Nhận kết quả và chuyển về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 9** | | | Tiếp nhận kết quả | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 10** | | | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| 1. 14 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất  (BTM-QTR-265138) | - 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.  - 40 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | Trích lục, trích đo địa chính thửa đất hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp | | | | | | | | 05 ngày | | | | | | 10 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Kỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | | 11 ngày | | | | | | 16 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| *Bước 3a* | | | *Xem xét, xử lý hồ sơ*  *-Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan quản lý nhà nước về tài sản*  *-Dự thảo, trình ký* | | | | | | | | *08 ngày* | | | | | | *11 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3b* | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | | *02 ngày* | | | | | | *03 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| *Bước 3c* | | | *Chuyển thông tin đến cơ quan thuế* | | | | | | | | *01 ngày* | | | | | | *02 ngày* |  | *Viên chức* |
| **Bước 4** | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt | | | | | | | | 01 ngày | | | | | | 01 ngày | Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 5** | | | Lập hồ sơ trình Phòng Tài nguyên và Môi trường | | | | | | | | 02 ngày | | | | | | 02 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký - cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 6** | | | Kiểm tra hồ sơ và trình UBND cấp huyện ký cấp Giấy chứng nhận | | | | | | | | 06 ngày | | | | | | 06 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Công chức |
| **Bước 7** | | | Xem xét, ký cấp Giấy chứng nhận | | | | | | | | 3,5 ngày | | | | | | 3,5 ngày | UBND huyện | Chủ tịch/ Phó Chủ tịch |
| **Bước 8** | | | Nhận kết quả và chuyển về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 9** | | | Tiếp nhận kết quả | | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 10** | | | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| 1. 15 | Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp  (MHS Chưa có trên CSDL) | - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.  - 25 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | | 0,25 ngày | | | | | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | Trích lục, trích đo địa chính thửa đất hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp | | | | | | | | 03 ngày | | | | | | 08 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Kỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | | 7,5 ngày | | | | | | 12,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| *Bước 3a* | | | *Xem xét, xử lý hồ sơ*  *-Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan quản lý nhà nước về tài sản*  *-Dự thảo, trình ký* | | | | | | | | *05 ngày* | | | | | | *09 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3b* | | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | *1,5 ngày* | | | | | | *2,5 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| *Bước 3c* | | | | *Chuyển thông tin đến cơ quan thuế* | | | | | | | *01 ngày* | | | | | | *01 ngày* |  | *Viên chức* |
| **Bước 4** | | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt chuyển hồ sơ về Văn phòng tỉnh | | | | | | | 01 ngày | | | | | | 01 ngày | Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 5** | | | | Thẩm định hồ sơ do Chi nhánh chuyển đến | | | | | | | 1,5 ngày | | | | | | 1,5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai - Phòng Đăng ký - cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 6** | | | | Xem xét, ký cấp Giấy chứng nhận | | | | | | | 01 ngày | | | | | | 01 ngày | Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 7** | | | | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển kết quả về Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai - Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 8** | | | | Tiếp nhận kết quả từ Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | 0,25 ngày | | | | | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 9** | | | | - Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình.  - Xác nhận vào bản chính giấy tờ việc đã cấp Giấy chứng nhận. | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| 1. 16 | Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý  (BTM-QTR-265140) | - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.  - 25 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | | | | - Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | | Trích lục, trích đo địa chính thửa đất; hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp | | | | | | | 04 ngày | | | | | | 09 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Kỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | 7,5 ngày | | | | | | 12,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký - cấp giấy | Viên chức |
| *Bước 3a* | | | | *Xem xét, xử lý hồ sơ*  *Cập nhật thông tin thửa đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai* | | | | | | | *6,5 ngày* | | | | | | *11 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3b* | | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | *01 ngày* | | | | | | *1,5 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 4** | | | | Phê duyệt hồ sơ | | | | | | | 02 ngày | | | | | | 02 ngày | Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 5** | | | | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 6** | | | | Tiếp nhận kết quả | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 7** | | | | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| 1. 17 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở  (BTM-QTR-265141) | - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian thẩm định điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở của chủ đầu tư dự án).  - 25 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | *Đối với người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Bước 1** | | | | | - Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | | | Trích lục, trích đo địa chính thửa đất hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp | | | | | | | 03 ngày | | | | | 08 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Kỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | 05 ngày | | | | | 10 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy |  |
| *Bước 3a* | | | | | *- Xem xét, thẩm định hồ sơ*  *- Xác nhận đủ điều kiệnhay không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*  *- Gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định thu nghĩa vụ tài chính* | | | | | | | *4,5 ngày* | | | | | *09 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3b* | | | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | *0,5 ngày* | | | | | *01 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 4** | | | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt chuyển hồ sơ về Văn phòng tỉnh | | | | | | | 01 ngày | | | | | 01 ngày | Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 5** | | | | | Thẩm định hồ sơ do Chi nhánhVăn phòng chuyển đến | | | | | | | 3.5 ngày | | | | | 3.5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai - Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 6** | | | | | Ký cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất | | | | | | | 01 ngày | | | | | 01 ngày | Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 7** | | | | | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển kết quả về Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | 0,5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai - Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 8** | | | | | Tiếp nhận kết quả từ Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | 0,25 ngày | | | | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 9** | | | | | - Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình  - Xác nhận vào bản chính giấy tờ việc đã cấp Giấy chứng nhận | | | | | | | 0,25 ngày | | | | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| 1. 18 | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng ; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho QSD đất đã có giấy chứng nhận  (BTM-QTR-265142) | **Trong trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất**  - Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ  - 20 ngày làm việc: Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | | | | | - Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | | | Trích lục, trích đo địa chính thửa đất; hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp | | | | | | | 02 ngày | | | | | 07 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Kỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | 03 ngày | | | | | 08 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy |  |
| *Bước 3a* | | | | | *Xem xét, thẩm định hồ sơ*  *Chuyển thông tin đến cơ quan thuế*  *- Xác nhận nội dung biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp.*  *- Chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai* | | | | | | | *2,5 ngày* | | | | | *6,5 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3b* | | | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | *0,5 ngày* | | | | | *1,5 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 4** | | | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | 0,5 ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 5** | | | | | Chuyển hồ sơ cho Văn phòng đăng ký đất đai thẩm định (trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận do người sử dụng đất có nhu cầu) | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | 0,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 6** | | | | | Thẩm định hồ sơ do Chi nhánhVăn phòng chuyển đến | | | | | | | 02 ngày | | | | | 02 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai -Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 7** | | | | | Ký cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | 0,5 ngày | Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 8** | | | | | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển kết quả về Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | 0,5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai - Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 9** | | | | | Tiếp nhận kết quả từ Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | 0,25 ngày | | | | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 10** | | | | | - Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình  - Xác nhận vào bản chính giấy tờ việc đã cấp Giấy chứng nhận | | | | | | | 0,25 ngày | | | | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
|  | **Trong trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất là**  - Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ  - 13 ngày làm việc: Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | | | | | - Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | | | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | 1,5 ngày | | | | | 8,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy |  |
| *Bước 2a* | | | | | *Xem xét, thẩm định hồ sơ*  *Chuyển thông tin đến cơ quan thuế*  *- Xác nhận nội dung biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp.*  *- Chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai* | | | | | | | *01 ngày* | | | | | *06 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 2b* | | | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | *0,5 ngày* | | | | | *2,5 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 3** | | | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | 1,5 ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 4** | | | | | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | 2,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 5** | | | | | Tiếp nhận kết quả từ Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | 0,25 ngày | | | | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 6** | | | | | - Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
|  | **Trong trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng**  - Không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ  -15 ngày làm việc: Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | | | | | - Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | 2,5 ngày | | | | | 10,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy |  |
| *Bước 2a* | | | | | *Xem xét, thẩm định hồ sơ*  *Chuyển thông tin đến cơ quan thuế*  *- Xác nhận nội dung biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp.*  *- Chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai* | | | | | | | *02 ngày* | | | | | *08 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 2b* | | | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | *0,5 ngày* | | | | | *2,5 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 3** | | | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | 1,5 ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 4** | | | | | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | | | | | | | 01 ngày | | | | | 02 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 5** | | | | | Tiếp nhận kết quả từ Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 6** | | | | | - Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | Không tính thời gian | | | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| 1. 9 | Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm  (BTM-QTR-265143) | - 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.  - 40 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | | | | | - Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | | | Trích lục, trích đo địa chính thửa đất; hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp | | | | | | | 05 ngày | | | | | 10 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Kỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | 10 ngày | | | | | 15 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy |  |
| *Bước 3a* | | | | | *Xem xét, thẩm định hồ sơ*  *Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan*  *Dự thảo văn bản, trình ký* | | | | | | | *09 ngày* | | | | | *13,5 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3b* | | | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | *01 ngày* | | | | | *1,5 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 4** | | | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt và trình hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường | | | | | | | 03ngày | | | | | 03ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 5** | | | | | -Thẩm tra hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng chuyển đến  -Trình UBND huyện quyết định việc thu hồi đất của bên bán, bên góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê và quyết định cho bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tiếp tục thuê đất | | | | | | | 04 ngày | | | | | 04 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Công chức |
| **Bước 6** | | | | | Ban hành quyết định về việc thu hồi đất và thuê đất | | | | | | | 03 ngày | | | | | 03 ngày | UBND cấp huyện | Chủ tịch/ Phó Chủ tịch |
| **Bước 7** | | | | | - Chuyển thông tin cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai in Giấy chứng nhận.  - Ký hợp đồng thuê đất đối với bên mua, nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê. | | | | | | | 03 ngày | | | | | 03 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Công chức |
| **Bước 8** | | | | | Hoàn thiện kết quả, luân chuyển về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | | | | | | | 01 ngày | | | | | 01 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 9** | | | | | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | 0,5 ngày | | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| 1. 20 | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; Đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp  (BTM-QTR-265144) | **Trường hợp chỉnh lý trên Giấy chứng nhận**  - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.  - 17 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Bước 1** | | | | | | - Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,5 ngày | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | | | | Trích lục, trích đo địa chính thửa đất hoặc kiểm tra bản đồ địa chính thửa đất do người sử dụng nộp | | | | | | | 02 ngày | | | | 07 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Kỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | 03 ngày | | | | 08 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| *Bước 3a* | | | | | | *Xem xét, thẩm định hồ sơ* | | | | | | | *01 ngày* | | | | *02 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3b* | | | | | | *Chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính* | | | | | | | *0,5 ngày* | | | | *1,5 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3c* | | | | | | *Xác nhận nội dung biến động và Giấy chứng nhận đã cấp* | | | | | | | *0,5 ngày* | | | | *1,5 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3d* | | | | | | *Chỉnh lý,cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai* | | | | | | | *0,5 ngày* | | | | *1,5 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3e* | | | | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | *0,5 ngày* | | | | *1,5 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 4** | | | | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt | | | | | | | 0,5 ngày | | | | 0,5 ngày | Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 5** | | | | | | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | | | | | | | 0,5 ngày | | | | 0,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 6** | | | | | | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | 0,5 ngày | | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
|  | **Trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận mới**  - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ  - 20 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | | | | | | | - Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,5 ngày | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | | | | | Trích lục, tríchđo địa chính thửa đất hoặc kiểm tra bản đồđịa chính thửa đất do người sử dụng nộp | | | | | | | 02 ngày | | | 07 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phậnKỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | 03 ngày | | | 08 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| *Bước 3a* | | | | | | | *Xem xét, thẩm định hồ sơ*  *Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan* | | | | | | | *02 ngày* | | | *06 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3d* | | | | | | | *Lãnh đạo bộ phận chuyên môn soát xét* | | | | | | | *01 ngày* | | | *02 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 4** | | | | | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt và chuyển hồ sơ cho Văn phòng đăng ký. | | | | | | | 01 ngày | | | 01 ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị/ Bộ phận cấp giấy |
| **Bước 5** | | | | | | | Thẩm định hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng chuyển đến. | | | | | | | 02 ngày | | | 02 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai -Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 6** | | | | | | | Ký cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất | | | | | | | 0,5 ngày | | | 0,5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 7** | | | | | | | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển kết quả về Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | 0,5 ngày | | | 0,5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai - Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 8** | | | | | | | Tiếp nhận kết quả từ Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | 0,5 ngày | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 9** | | | | | | | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | Không tính thời gian | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| 1. 21 | Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất  (BTM-QTR-265145) | - 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.  - 35 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | | | | | | | - Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,5 ngày | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | | | | | Trích đo địa chính thửa đất (trường hợp có thay đổi về diện tích) | | | | | | | 05 ngày | | | 10 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Kỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | 07 ngày | | | 12 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy |  |
| *Bước 3a* | | | | | | | *Kiểm tra, thẩm định hồ sơ đăng ký*  *Xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được chuyển hình thức vào đơn đăng ký.* | | | | | | | *06 ngày* | | | *10 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3b* | | | | | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | *01 ngày* | | | *02 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 4** | | | | | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt và chuyển bộ phận chuyên môn trình Phòng Tài nguyên và Môi trường | | | | | | | 01 ngày | | | 01 ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 5** | | | | | | | Thẩm định hồ sơ và trình UBND cấp huyện ký quyết định cho phép chuyển hình thức sử dụng đất. | | | | | | | 05 ngày | | | 05 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Công chức |
| **Bước 6** | | | | | | | Xem xét, ký quyết định cho phép chuyển hình thức sử dụng đất. | | | | | | | 03 ngày | | | 03 ngày | UBND huyện | Chủ tịch/ Phó Chủ tịch |
| **Bước 7** | | | | | | | Thực hiện việc đăng ký | | | | | | | 1,5 ngày | | | 1,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy |  |
| *Bước 7a* | | | | | | | *Chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế trong trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất*  *Xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp*  *Cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai* | | | | | | | *01 ngày* | | | *01 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 7d* | | | | | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | *0,5 ngày* | | | *0,5 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 8** | | | | | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt | | | | | | | 01 ngày | | | 01 ngày | Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 9** | | | | | | | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | | | | | | | 0,5 ngày | | | 0,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 10** | | | | | | | Tiếp nhận kết quả | | | | | | | 0,5 ngày | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 10** | | | | | | | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | Không tính thời gian | | | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| 1. 22 | Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất  (BTM-QTR-265146) | - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.  - 20 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | | | | | | | - Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,5 ngày | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | | | | | Trích lục, trích đo địa chính thửa đất hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp | | | | | | | 02 ngày | | | 07 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Kỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | 03 ngày | | | 08 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| *Bước 3a* | | | | | | | *Xem xét, thẩm định hồ sơ*  *Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan* | | | | | | | *2,5 ngày* | | | *07 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3b* | | | | | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | *0,5 ngày* | | | *01 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 4** | | | | | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt | | | | | | | 01 ngày | | | 01 ngày | Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 5** | | | | | | | Chuyển hồ sơ cho Văn phòng đăng ký đất đai thẩm định | | | | | | | 0,5 ngày | | | 0,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 6** | | | | | | | - Thẩm định hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng chuyển đến.  -Trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký quyết định hủy Giấy chứng nhận bị mất hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận bị mất | | | | | | | 01 ngày | | | 01 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai -Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 7** | | | | | | | Ký quyết định hủy Giấy chứng nhận bị mất hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận bị mất | | | | | | | 0,5 ngày | | | 0,5 ngày | Lãnh đạo Sở TN&MT | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 8** | | | | | | | Ký cấp lại Giấy chứng nhận; trang bổ sung (đối với trường hợp cấp lại trang bổ sung) | | | | | | | 0,5 ngày | | | 0,5 ngày | Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 9** | | | | | | | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển kết quả về Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | 0,5 ngày | | | 0,5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai - Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 10** | | | | | | | Tiếp nhận kết quả từ Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | 0,25 ngày | | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 11** | | | | | | | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | 0,25 ngày | | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| 1. 23 | Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền  (BTM-QTR-265147) | - 07 ngày làm việckể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.  - 17 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,5 ngày | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | 4,5 ngày | | | 14,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy |  |
| *Bước 2a* | | | | | | | *- Kiểm tra, thẩm định hồ sơ*  *- Xác nhận vào Đơn đăng ký*  *- Xác nhận mục đích sử dụng đất vào Giấy chứng nhận* | | | | | | | *04 ngày* | | | *11 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 2b* | | | | | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | *0,5 ngày* | | | *3,5 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 3** | | | | | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt | | | | | | | 01 ngày | | | 01 ngày | Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 4** | | | | | | | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển về Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | | | | | | | 0,5 ngày | | | 0,5 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 5** | | | | | | | Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình | | | | | | | 0,5 ngày | | | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| 1. 24 | Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân  (BTM-QTR-265148) | **Trường hợp không thực hiện cấp đổi đồng loạt**  - Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.  - 20 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Bước 1** | | | | | | | | - Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | Trích lục, trích đo địa chính thửa đất; hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp | | | | | | | 02 ngày | | 07 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Kỹ thuật - Địa chính | Viên chức |
| **Bước 3** | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ | | | | | | | 03 ngày | | 08 ngày | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy |  |
| *Bước 3a* | | | | | | | | *Kiểm tra, thẩm định hồ sơ*  *Xác nhận vào đơn đề nghị về lý do cấp đổi Giấy chứng nhận* | | | | | | | *2,5 ngày* | | *06 ngày* |  | *Viên chức* |
| *Bước 3c* | | | | | | | | *Soát xét hồ sơ* | | | | | | | *0,5 ngày* | | *02 ngày* |  | *Trưởng bộ phận Đăng ký - cấp giấy* |
| **Bước 4** | | | | | | | | Lãnh đạo Chi nhánh ký phê duyệt chuyển hồ sơ về Văn phòng tỉnh | | | | | | | 01 ngày | | 01 ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị/Bộ phận ĐK-CG |
| **Bước 5** | | | | | | | | Thẩm định hồ sơ do Chi nhánhVăn phòng chuyển đến | | | | | | | 02 ngày | | 02 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai -Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 6** | | | | | | | | Ký cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất | | | | | | | 0,75 ngày | | 0,75 ngày | Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai | Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 7** | | | | | | | | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển kết quả về Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | 0,5 ngày | | 0,5 ngày | Văn phòng đăng ký đất đai - Phòng Đăng ký- cấp giấy | Viên chức |
| **Bước 8** | | | | | | | | Tiếp nhận kết quả từ Chi nhánh VP đăng ký đất đai | | | | | | | 0,25 ngày | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 9** | | | | | | | | - Trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình  - Xác nhận vào bản chính giấy tờ việc đã cấp Giấy chứng nhận | | | | | | | 0,25 ngày | | 0,25 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
|  | **Trường hợp thực hiện cấp đổi đồng loạt theo chủ trương “dồn điền đổi thửa”** | **Bước 1** | | | | | | | | | UBND xã lập phương án chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp chung cho toàn xã, phường, thị trấn và gửi phương án đến Phòng Tài nguyên và Môi trường | | | | | | | Theo dự án | | UBND xã nơi có đất | Công chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | - Thẩm tra phương án chuyển đổi do UBND xã chuyển đến.  -Trình UBND cấp huyện phê duyệt và chỉ đạo UBND xã tổ chức cho các hộ gia đình, cá nhân chuyển đổi ruộng đất theo phương án được duyệt. | | | | | | | Theo dự án | | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Công chức |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Chỉ đạo thực hiện việc đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính | | | | | | | Theo dự án | | Sở Tài nguyên và Môi trường | Công chức |
| 1. 26 | Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất  (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)  BTP-QTR- 277383 | - Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.  - Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 0,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 2,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| 1. 27 | Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai  BTP-QTR-277384 | - Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.  - Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 0,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 2,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| 1. 28 | Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận  BTP-QTR-277386 | - Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.  - Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 0,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 2,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| 1. 29 | Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu  BTP-QTR-277387 | - Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.  - Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 0,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
|  |  |  | **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 2,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| 1. 30 | Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký  BTP-QTR-277388 | - Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.  - Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 0,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 2,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| 1. 31 | Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký  BTP-QTR-277390 | - Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.  - Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 0,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| 1. 32 | Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất  BTP-QTR-277391 | - Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.  - Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 0,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| -Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 2,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| 1. 33 | Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở  BTP-QTR-277392 | - Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.  - Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 0,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 2,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| 1. 34 | Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất  BTP-QTR-277393 | - Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.  - Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 0,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ. | **Bước 1** | | | | | | | | | Tiếp nhận hồ sơ | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |
| **Bước 2** | | | | | | | | | Xử lý, thẩm định hồ sơ  *-Ghi nội dung đăng ký vào Sổ địa chính; Giấy chứng nhận; Đơn yêu cầu đăng ký*  *- Soát xét hồ sơ*  *- Phê duyệt hồ sơ* | | | | | | | 2,5 ngày | | Chi nhánh VP ĐKĐĐ - Bộ phận Đăng ký- cấp giấy | Viên chức/ Lãnh đạo đơn vị |
| **Bước 3** | | | | | | | | | Tiếp nhận và trả kết quả | | | | | | | 0,25 ngày | | Bộ phận TN&TKQ Chi nhánh VP ĐKĐĐ | Viên chức |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 33 | Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (BTM-QTR-265155) | - 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ  - 45 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | 0,5 ngày | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | Phân công xử lý hồ sơ | 01 ngày | 02 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường | *Lãnh đạo phòng* |
| **Bước 3** | Xử lý và thẩm định hồ sơ | 22,5 ngày | 36,5 | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Chuyên viên |
| *Bước 3a* | *Tổ chức cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của UBND cấp xã và các cơ quan chuyển môn liên quan để thẩm định nhu cầu sử dụng đất* | *9 ngày* | *13* | *Phòng Tài nguyên và Môi trường* | *Lãnh đạo Phòng* |
| *Bước 3b* | *Cung cấp ý kiến thông tin về nhu cầu sử dụng đất* | *8,5 ngày* | *13* | *UBND cấp xã, Phòng chuyên môn* |  |
| *Bước 3c* | *Lập Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất* | *5 ngày* | *10,5* | *Phòng Tài nguyên và Môi trường* | *Chuyên viên* |
| **Bước 4** | Kiểm tra, ký duyệt | 05 ngày | 05 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Lãnh đạo Phòng |
| **Bước 5** | Hoàn thiện kết quả  - Đóng dấu, luân chuyển về Bộ phận Một cửa cấp huyện | 0,5 ngày | 0,5 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Chuyên viên |
| **Bước 6** | Tiếp nhận kết quả | 0,5 ngày | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 7** | Trả kết quả cho hộ gia đình, cá nhân | Không tính thời gian | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| 34 | Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất(BTM-QTR-265123) | - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ  - 30 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn  *(Thời gian này không tính thời gian công dân thực hiện nghĩa vụ tài chính)* | **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | 0,5 ngày | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 2** | Xử lý và thẩm định hồ sơ | 03 ngày | 07 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường |  |
| *Bước 2a* | *Phân công xử lý hồ sơ* | *0,5 ngày* | *01 ngày* |  | *Lãnh đạo phòng* |
| *Bước 2b* | Xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản, trình ký | *2,5 ngày* | *06 ngày* |  | *Chuyên viên* |
| **Bước 3** | Kiểm tra, trình UBND quyết định giao đất, cho thuê đất | 02 ngày | 04 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường | *Lãnh đạo phòng* |
| **Bước 4** | Xem xét, ký quyết định giao đất, cho thuê đất | 01 ngày | 03 ngày | UBND cấp huyện | Chủ tịch/ Phó Chủ tịch |
| **Bước 5** | Chuyển thông tin cho cơ quan Thuế, đồng thời chuyển Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai in Giấy chứng nhận | 0,5 ngày | 1,5 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường |  |
| **Bước 6** | Chi cục Thuế xác định nghĩa vụ tài chính, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 03 ngày | 03 ngày | Chi cục Thuế |  |
| **Bước 7** | Thông báo người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính, chuyển chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước mà người sử dụng đất đã nộp đến Phòng Tài nguyên và Môi trường | 01 ngày | 02 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Công chức |
| Bước 8. | Ký Hợp đồng thuê đất; Trình UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận | 01 ngày | 03 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường |  |
| Bước 9. | Xem xét, ký cấp Giấy chứng nhận; | 01 ngày | 02 ngày | UBND cấp huyện | Chủ tịch/ Phó Chủ tịch |
| Bước 10 | Tổ chức bàn giao đất trên thực địa; Chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận đã ký đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai | 01 ngày | 02 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường |  |
| Bước 11 | Cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, Chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận đã ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 0,5 ngày | 01 ngày | Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai |  |
| Bước 10 | Trao Quyết đinh giao đất cho thuê đất và Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất; Chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để lưu trữ theo quy định | 0,5 ngày | 01 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Công chức |
| 35 | Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhânBTM-QTR-265124 | - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ  - 30 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn  *(Thời gian này không tính thời gian công dân thực hiện nghĩa vụ tài chính)* | **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | 0,5 ngày | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Chuyên viên |
| **Bước 2** | Xử lý hồ sơ | 03 ngày | 08 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường |  |
| *Bước 2a* | *Phân công xử lý hồ sơ* | *0,5 ngày* | *01 ngày* |  | *Lãnh đạo phòng* |
| *Bước 2b* | *Kiểm tra, lập Biên bản tại thực địa; Chuyển Phòng Quản lý đô thị lấy ý kiến về quy hoạch (nếu có); Chuyển Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai vẽ trích lục thửa đất* | *02 ngày* | *06 ngày* |  | *Chuyên viên* |
| *Bước 2c* | *Ký duyệt* | *0,5 ngày* | *01 ngày* |  | *Lãnh đạo phòng* |
| **Bước 3** | Cung cấp ý kiến về quy hoạch (nếu có) | 02 ngày | 03 ngày | *Phòng Quản lý đô thị* |  |
| **Bước 4** | Vẽ trích lục thửa đất | 02 ngày | 03 ngày | Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai |  |
| **Bước 5** | Xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản, trình ký lãnh đạo Phòng | 01 ngày | 03 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Chuyên viên |
| **Bước 6** | Kiểm tra, trình UBND cấp huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất | 01 ngày | 03 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường | *Lãnh đạo phòng* |
| **Bước 7** | Xem xét ký Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất | 02 ngày | 03 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Chuyên viên |
| **Bước 8** | Chuyển thông tin cho cơ quan Thuế, đồng thời chuyển hồ sơ cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai | 01 ngày | 02 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường |  |
| **Bước 10** | Thông báo người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính, chuyển chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước mà người sử dụng đất đã nộp đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai | 01 ngày | 02 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Công chức |
| **Bước 11** | Cập nhật, chỉnh lý Giấy chứng nhận và hồ sơ địa chính; Lưu trữ hồ sơ theo quy định; Chuyển Giấy chứng nhận đã ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 01 ngày | 02 ngày | Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai |  |
| **Bước 12** | Trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất | 0.5 ngày | 0.5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Công chức |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 36 | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tếBTM-QTR-265130 | - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ  - 30 ngày làm việc đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | 0,5 ngày | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Chuyên viên |
| **Bước 2** | Xử lý và thẩm định hồ sơ | 5,5 ngày | 15 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường |  |
| *Bước 2a* | *Phân công xử lý hồ sơ* | *0,5 ngày* | *01 ngày* |  | *Lãnh đạo phòng* |
| *Bước 2b* | *Xử lý hồ sơ* | *05 ngày* | *14ngày* |  | *Chuyên viên* |
| **Bước 3** | Trình UBND cấp huyện phê duyệt | 01 ngày | 01 ngày | Phòng Tài nguyên và Môi trường |  |
| **Bước 4** | UBND cấp huyện phê duyệt hồ sơ | 2,5 ngày | 03 ngày | UBND cấp huyện |  |
| **Bước 5** | Chuyển thông tin cho cơ quan thuế | 01 ngày | 02 ngày | Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai |  |
| **Bước 6** | Chi cục Thuế xác định nghĩa vụ tài chính, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 02 ngày | 03 ngày | Chi cục Thuế |  |
| **Bước 7** | Thông báo người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính, chuyển chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước mà người sử dụng đất đã nộp đến Phòng Tài nguyên và Môi trường | 01 ngày | 02 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Công chức |
| **Bước 8** | Chỉnh lý Giấy chứng nhận và hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai | 01 ngày | 03 ngày | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai |  |
| **Bước 9** | Tiếp nhận kết quả | 0,5 ngày | 0,5 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |
| **Bước 10** | Trả kết quả cho hộ gia đình, cá nhân | Không tính thời gian | Không tính thời gian | Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ cấp huyện | Công chức |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 37 | Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc  thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp huyện  (BTM-QTR-265121) | 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | **Bước 1** | - Tiếp nhận đơn  - Chuyển đơn về Chủ tịch UBND huyện | 1 ngày | UBND huyện | Chuyên viên |
| **Bước 2** | Chủ tịch UBND huyện xử lý và giao trách nhiệm cơ quan tham mưu giải quyết | 2 ngày | UBND huyện | Chủ tịch |
| **Bước 3** | - Tiếp nhận hồ sơ  - Cơ quan tham mưu tổ chức thẩm tra, xác minh và báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh đến UBND huyện | *(30 ngày)* | Cơ quan tham mưu | Lãnh đạo cơ quan tham mưu |
| *Bước 3a* | *Lập kế hoạch và tổ chức thẩm tra, xác minh, tổ chức hòa giải giữa các bên tranh chấp, tổ chức cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết (nếu cần thiết)* | *20 ngày* | *Tổ xác minh* | *Tổ trưởng* |
| *Bước 3b* | *Dự thảo Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh; Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai/Quyết định công nhận hòa giải thành* | *7 ngày* | *Tổ xác minh* | *Chuyên viên* |
| *Bước 3c* | *Lãnh đạo cơ quan tham mưu soát xét, ký ban hành Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh; Dự thảo Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai/Quyết định công nhận hòa giải thành* | *2 ngày* | *Cơ quan tham mưu* | *Lãnh đạo cơ quan tham mưu* |
| *Bước 3d* | *Gửi báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh; Dự thảo Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai/Quyết định công nhận hòa giải thành đến UBND huyện* | *1 ngày* | *Cơ quan chuyên môn* | *Chuyên viên* |
| **Bước 4** | - Tiếp nhận hồ sơ (Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh; Dự thảo Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai/Quyết định công nhận hòa giải thành)  - Chuyến hồ sơ về phòng chuyên môn xử lý | (9 ngày) | Văn phòng UBND huyện | Lãnh đạo Văn phòng UBND huyện |
| *Bước 4a* | *Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ của cơ quan tham mưu và hoàn thiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai/Quyết định công nhận hòa giải thành* | *7 ngày* | *Văn phòng UBND huyện* | *Chuyên viên* |
| *Bước 4b* | *Lãnh đạo Văn phòng soát xét* | *1 ngày* | *Văn phòng UBND huyện* | *Lãnh đạo* |
| *Bước 4c* | *Trình Chủ tịch UBND huyện dự thảo Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai/Quyết định công nhận hòa giải thành* | *1 ngày* | *Văn phòng* *UBND huyện* | *Chuyên viên* |
| **Bước 5** | Chủ tịch UBND huyện ký ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai/Quyết định công nhận hòa giải thành | 2 ngày | UBND huyện | Chủ tịch |
| **Bước 6** | Gửi Quyết định cho các bên tranh chấp, các cá nhân, tổ chức có quyền và nghĩa vụ liên quan | 1 ngày | Văn phòng UBND huyện | Chuyên viên |

**2. Lĩnh vực Môi trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Tổng thời gian giải quyết** | **Nội dung công việc và trình tự các bước thực hiện** | | **Thời gian chi tiết** *(có thể tính theo ngày/giờ)* | **Đơn vị thực hiện** | **Người thực hiện** |
| 1 | Xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường;  BTM-QTR-264790 | 10 ngày làm việc | **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | 0,5 ngày | Bộ phận TN và TKQ của UBND huyện | Công chức |
| **Bước 2** | Phân công xử lý, kiểm tra, dự thảo giấy xác nhận | 07 ngày | Phòng TN&MT |  |
| *Bước 2a* | *Phân công xử lý hồ sơ* | *0,5 ngày* |  | *Lãnh đạo Phòng;* |
| *Bước 2b* | *Kiểm tra hồ sơ, dự thảo Giấy xác nhận* | *5,5 ngày* |  | *Chuyên viên* |
| *Bước 2c* | *Lãnh đạo Phòng TN&MT soát xét* | *1 ngày* |  | *Lãnh đạo Phòng* |
| **Bước 3** | Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt hồ sơ | 1,5 ngày | UBND huyện | Lãnh đạo UBND huyện |
| *Bước 3a* | *Văn phòng UBND huyện rà soát hồ sơ* | 0,5 ngày |  | Chuyên viên |
| *Bước 3b* | *Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt hồ sơ* | 01 ngày |  | Lãnh đạo UBND huyện |
| **Bước 4** | Phòng chuyên môn chuyển kết quả hồ sơ về Bộ phận TN&TKQ của UBND Huyện | 0,5 ngày | Phòng TN&MT | Chuyên viên |
| **Bước 5** | Tiếp nhận kết quả | 0,5 ngày | Bộ phận TN và TKQ của UBND huyện | Công chức |
| **Bước 5** | Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức | Không tính thời gian | Bộ phận TN và TKQ của UBND huyện | Công chức |

**Tổng cộng: 38 quy trình TTHC**

**Phụ lục 2**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN**

**VÀ MÔI TRƯỜNG ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**1. Lĩnh vực Đất đai**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Tổng thời gian giải quyết** | **Nội dung công việc và trình tự các bước thực hiện** | | **Thời gian chi tiết** *(có thể tính theo ngày/giờ)* | **Đơn vị thực hiện** | **Người thực hiện** |
| 1 | Hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã  [BTM-QTR-265149](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tinhthanh/Pages/chitiet-tthc.aspx?path=danh-sach-tthc&ItemID=569028) | 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai | **Bước 1** | - Tiếp nhận đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai  - Chuyển đơn về Chủ tịch UBND xã | 1 ngày | UBND xã | Công chức địa chính |
| **Bước 2** | Chủ tịch UBND xã xử lý và giao trách nhiệm cho Công chức địa chính tham mưu giải quyết | 1 ngày | UBND xã | Chủ tịch |
| **Bước 3** | - Tổ chức thẩm tra, xác minh, tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan….  - Tham mưu Chủ tịch UBND xã thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải | 10 ngày | UBND xã | Công chức địa chính |
| **Bước 4** | Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai | 1 ngày | UBND xã | Chủ tịch |
| **Bước 5** | - Tổ chức cuộc họp hòa giải tranh chấp đất đai. Lập biên bản kết quả hòa giải thành hoặc không thành  - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các bên tranh chấp có ý kiến bằng văn bản khác với nội dung đã thống nhất trong biên bản hòa giải thành thì tổ chức lại cuộc họp Hội đồng hòa giải. Lập biên bản kết quả hòa giải thành hoặc không thành | 30 ngày | UBND xã | Chủ tịch |
| **Bước 6** | - Trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi hiện trạng về ranh giới sử dụng đất, chủ sử dụng đất thì UBND cấp xã gửi biên bản hòa giải thành đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 202 Luật đất đai 2013  - Trường hợp hòa giải không thành, hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tiếp theo | 2 ngày | UBND xã | Chủ tịch |

**2. Lĩnh vực Môi trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Tổng thời gian giải quyết** | **Nội dung công việc và trình tự các bước thực hiện** | | **Thời gian chi tiết** *(có thể tính theo ngày/giờ)* | **Đơn vị thực hiện** | **Người thực hiện** |
| 1 | Xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường (*nếu được ủy quyền*);  BTM-QTR-264791 | 10 ngày làm việc | **Bước 1** | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ  - Chuyến hồ sơ về cho Lãnh đạo UBND xã xử lý | 0,5 ngày | Bộ phận TN và TKQ của UBND xã | Cán bộ phụ trách TN và TKQ |
| **Bước 2** | Phân công xử lý, kiểm tra, dự thảo giấy xác nhận | 7,5 ngày | UBND xã |  |
| *Bước 2a* | *Phân công xử lý hồ sơ* | *0,5 ngày* |  | *Lãnh đạo UBND xã* |
| *Bước 2b* | *Kiểm tra hồ sơ, dự thảo Giấy xác nhận* | *07 ngày* |  | *Cán bộ chuyên môn* |
| **Bước 3** | Lãnh đạo xã ký phê duyệt và chuyển hồ sơ cho cán bộ chuyên môn | 01 ngày | UBND xã | Lãnh đạo UBND xã |
| **Bước 4** | Cán bộ chuyên môn chuyển kết quả hồ sơ về Bộ phận TN&TKQ của UBND xã | 0,5 ngày | Cán bộ chuyên môn | Cán bộ chuyên môn |
| **Bước 5** | Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức | 0,5 ngày | Bộ phận TN và TKQ của UBND xã | Công chức |
| 2 | Tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường.  BTM-QTR-264792 | 15 ngày làm việc | **Bước 1** | Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ | 0,5 ngày | Bộ phận TN và TKQ của UBND xã | Công chức |
| **Bước 2** | Phân công xử lý, kiểm tra, dự thảo giấy xác nhận | 12,5 ngày | UBND xã |  |
| *Bước 2a* | *Phân công xử lý hồ sơ* | *0,5 ngày* |  | *- Lãnh đạo UBND xã* |
| *Bước 2b* | *Kiểm tra hồ sơ, dự thảo Văn bản trả lời; lập giấy mời, tổ chức họp tham vấn* | *12 ngày* |  | *Cán bộ chuyên môn;*  *- Lãnh đạo UBND xã* |
| **Bước 3** | Lãnh đạo xã ký phê duyệt Văn bản trả lời và Biên bản cuộc họp tham vấn; chuyển hồ sơ cho cán bộ chuyên môn | 01 ngày | UBND xã | Lãnh đạo UBND xã |
| **Bước 4** | Cán bộ chuyên môn chuyển kết quả hồ sơ về Bộ phận TN&TKQ của UBND xã | 0,5 ngày | Cán bộ chuyên môn | Cán bộ chuyên môn |
| **Bước 5** | Tiếp nhận kết quả | 0,5 ngày | Bộ phận TN và TKQ của UBND huyện | Công chức |
| **Bước 5** | Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức | Không tính thời gian | Bộ phận TN và TKQ của UBND huyện | Công chức |

**Tổng cộng: 3 quy trình TTHC**